

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày 27-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Cao Thị Hồng

2-Ông Trần Ngọc Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Minh Thị Thu Hòa-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thông-Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 11/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ9ST-DS ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966 (có mặt)

-Bị đơn: +Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 (vắng mặt)

+Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã BT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Nguyên đơn-bà Huỳnh Thị M trình bày: Vào tháng 02/2016, vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L có đến nhà bà vay tiền để mua mì tươi về xắt phơi khô và bán lại cho bà. Bà đồng ý và cho vợ chồng bà L, ông S vay với số tiền tổng cộng 140.000.000 đồng. bà L đã ký vào trong sổ thiếu nợ và hứa trong vòng một tháng sẽ đem mì khô về bán trừ dứt số tiền nợ trên. Nhưng bà L không thực hiện lời hứa với bà mà còn tránh né bán mì khô cho người khác. Bà đã yêu cầu vợ chồng bà L trả nợ rất nhiều lần nhưng vợ chồng bà L cứ

hẹn và thỏa thuận với bà sẽ trả lãi 2%/tháng nhưng vẫn không trả. Vì vậy, nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi (tính từ tháng 02/2016 đến tháng 7/2018 là 29 tháng x 1%/tháng) là 40.600.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà M trình bày lại là vào tháng 02/2016 giữa bà và bà Nguyễn Thị Thúy L có làm ăn mua bán củ mì tươi và mì khô xắt lát; trong quá trình mua bán bà Nguyễn Thị Thúy L còn nợ tiền bà 140.000.000 đồng, trong đó 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.000.000 đồng tiền bà L bù lỗ do giá mì hạ, mà nguyên nhân là lỗi của bà L không bán mì kịp thời cho bà. Bà cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn S, vì việc làm ăn mua bán mì giữa bà và bà L ông S đều biết, có lần bà đòi nợ bà L ông S cũng biết. Ngoài ra, theo bà, bà L làm ăn mua bán mì với bà với mục đích kiếm lời về phục vụ cho gia đình thì chồng bà L cũng phải có trách nhiệm phải cùng trả nợ.

Nay, vì nghĩ tình giữa bà và bà L có làm ăn bị thua lỗ nên bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Văn S phải trả 140.000.000 đồng tiền mua bán mì còn nợ, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn-bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày: Bà thừa nhận là bà có làm ăn mua bán mì với bà M và hiện nay bà còn nợ bà M 140.000.000 đồng, trong đó 120.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.000.000 đồng tiền bà bù lỗ do giá mì hạ. Nay, bà M yêu cầu bà trả số tiền này, không yêu cầu trả tiền lãi, bà đồng ý. Còn nếu bà M yêu cầu vợ chồng bà trả thì bà không đồng ý, vì đây là tiền làm ăn riêng giữa bà và bà M, không L quan gì đến chồng bà.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.
- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền là 140.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về Thủ tục tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L trả số tiền mua bán mì còn thiếu, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền: Tranh chấp hợp đồng mua bán giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn B, xã BT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc

Bình, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị M và bà Nguyễn Thị Thúy L đều thống nhất thừa nhận là giữa các bên có làm ăn mua bán mì từ tháng 02/0216 và hiện nay bà Nguyễn Thị Thúy L còn nợ bà Huỳnh Thị M 140.000.000 đồng.

Xét ý kiến của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Thúy L thừa nhận còn nợ tiền mua bán mì của bà Huỳnh Thị M 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và bà L đồng ý trả, sự thừa nhận của bị đơn đối với số tiền nợ của nguyên đơn là phù hợp với lời khai của các bên đương sự, đây là tình tiết nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thúy L cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà, không L quan gì đến chồng bà ông Nguyễn Văn S.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Thúy L, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng, từ khi bà và bà Huỳnh Thị M làm ăn mua bán mì cho đến nay, bà và ông S vẫn là vợ chồng, nên những khoản thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản do vợ chồng tạo ra. Mặt khác, vợ chồng phải chịu trách nhiệm L đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định của pháp luật. Điều này phù hợp với quy định tại các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L phải có trách nhiệm L đối trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền mua bán mì còn nợ là 140.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+Tuyên xử:

1-Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị M: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L L đối trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền mua bán mì còn nợ là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

2-Về án phí:

-Buộc Vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị M 2.257.500đ (*Hai triệu, hai trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai thu số 0015978 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền còn phải thi hành án thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thanh Trúc Tuyền